

# Phổ biến kiến thức

(tiếp theo kỳ trước)

## AM:

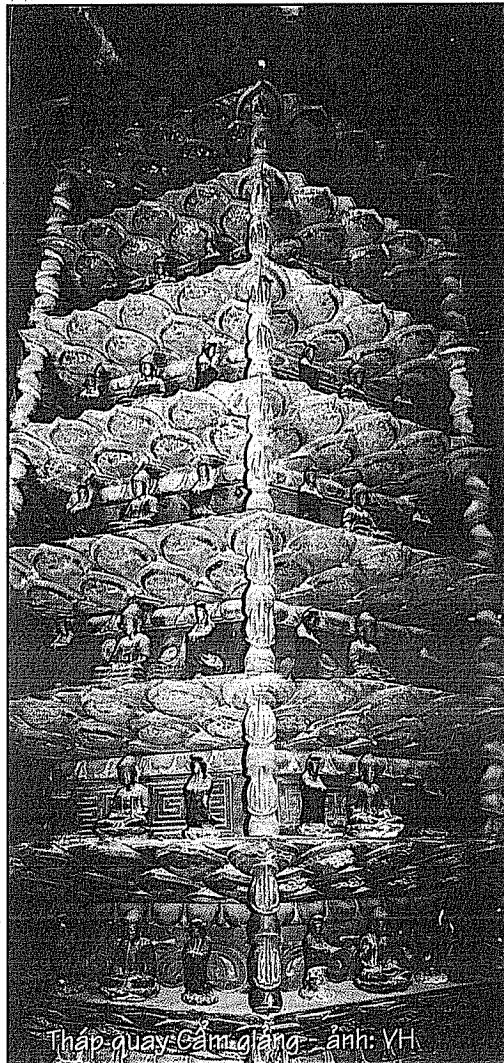
**V**ốn dĩ có gốc từ Trung Hoa, là một lối cổ trong khu vườn gần gũi thiên nhiên, nơi để cho các thi nhân hay những người có tư duy Thiền Lão tới đó đắm mình vào vũ trụ, để hoà tâm vào vô biên mà tìm lấy những vần thơ, những yếu nghĩa sâu xa thuộc lĩnh vực triết học. Ở nước Việt, Am được phát triển khá mạnh và có phần chuyển đổi chức năng, khởi đầu chỉ là một ngôi Chùa nhỏ (Hương hải Am, tức Chùa Thầy) sau đó Am còn để chỉ mộ của những nhà tu hành Phật giáo, khi qua đời, còn ở mức thấp. Một số nhà công đức lớn với Chùa nhiều khi mang tư cách là một phật tử lớn, gần như người tu hành, nên khi chuyển kiếp cũng được dựng Am theo kiểu "Trúc cách cổ lâu" (kiến trúc kiểu lâu có một tầng) phần nhiều vuông, như Am bà chúa Nành ở Chùa Thầy có niên đại vào thế kỷ 17 là một ví dụ.

## LĂNG TẨM:

**C**ụm từ này bắt nguồn từ Trung Quốc, để chỉ về nơi chôn và thờ Hoàng Đế hoặc Vua. Ở nước ta Lăng Tẩm cũng

là nơi chôn và thờ Vua. Song bắt đầu từ thế kỷ thứ 17, người ta đã thấy những mộ của Quận Công được xây dựng khá khang trang to lớn, nhiều người cũng gọi là Lăng Quán Công. Một số nhà nghiên cứu cho rằng đó là cách gọi "tiếm vị", nhưng cách gọi này nay đã thành quen mà không mấy người thích thay đổi nữa. Ở nước ta không còn dấu vết gì về Lăng mộ từ thời Lý trở về

trước. Mộ của các vua Lý ở vùng Đình Bảng, Bắc Ninh thực chất chỉ là Lăng tưởng niệm được xây dựng rất muôn, nảy sinh từ lòng sùng kính của các thế hệ sau, ở đó không có một dấu vết văn hoá nghệ thuật nào của đương thời. Dưới thời Trần chúng ta đã gặp được hai khu Lăng mộ lớn ở Yên Sinh, Đông Triều, Quảng Ninh, và ở Thâm Động, Thái Bình, đặc điểm của các Lăng này là có một không gian khá lớn, thường theo kiểu hình chữ nhật đơn hoặc hình vuông lồng (Lăng Anh Tông). Bao quanh Lăng thường xếp đá "đầu ông Sư" làm ranh giới, khiến người ta như cảm thấy còn gần gũi với mộ của người Mường. Mặt chính của bốn phía còn được thể hiện Rồng hoặc Lân ở cửa, riêng Lăng Trần Thủ Độ vì không phải là Vua nên bốn mặt của Lăng chỉ có hổ đá, chim đá, roi đá, bình phong đá mà không có rồng. Thời kỳ này cũng là giai đoạn đạo Phật được đề cao nên có Vua Phật, như Trần Nhân Tông, đã cho chúng ta mộ Vua là những cây tháp nhiều tầng như Yên Tử ở Quảng Ninh, Phổ Minh ở Nam Định.



Tháp quay Cẩm Giang - ảnh: V.H

Sang thế kỷ thứ 15, những Lăng Vua Lê ở Lam Kinh đã chiếm một không gian rất to lớn, tạm có thể tính từ tám bia tới khu mộ. Song, có thể đây chỉ là những mộ giả với những quan hầu và con giống thờ khá nhỏ bé, có lẽ đó là một nhận thức của đương thời còn ảnh hưởng của việc chia vũ trụ thành 3 tầng thế giới, người chết đi về cõi âm bao giờ cũng có thân hình nhỏ bé, nên tượng thờ được gán cho có linh hồn, để trở thành kẻ hầu hạ, cũng phải nhỏ theo. Ở thời kỳ này chưa tìm thấy được những điện thờ liên quan riêng biệt cho từng Lăng.

Vào thế kỷ 17, 18, với nội chiến, khiến cho các Vua, Chúa thường chỉ có mộ giả, việc xây lăng tẩm to lớn ít được người ta quan tâm. Tuy nhiên chúng ta đã tìm được mộ của nhà Vua được thể hiện dưới dạng có quan quách bọc chất liệu trám đường (nhựa trám, vôi, giấy bản, mặt cửa, mặt... theo tỷ lệ nào đó nay chưa xác định được) rất bền chắc, phần nhiều xác trong mộ vẫn còn giữ được.

Tới thời Nguyễn, điển hình là các khu lăng mộ tại phía Tây kinh thành Huế, ở thượng nguồn của Hương Giang. Nguyên tắc chung Lăng nào cũng chiếm một thế đất rất đẹp "đầu gối sơn, chân đạp thủy", mặt bằng hoà vào núi đồi, mặt đứng lấy cây thông làm trọng coi như trục "thông linh". Có thể kể lăng Gia Long, Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức lấy yếu tố hoà làm trọng, đầy tính chất Thiên và Lão. Còn Lăng Khải Định chuyển sang một dạng khác, phần nào chịu

ảnh hưởng kết cấu kiến trúc phương Tây. Lăng nào cũng có nhiều kiến trúc kèm theo khiến chúng mang tính chất vừa là cung điện vừa là nơi thờ cúng. Đồng thời có những đơn nguyên kiến trúc vượt ra ngoài tính chất Lăng tẩm, khiến cho khách hành hương quên đi cảm giác về miền của những kiếp đời đã qua. Suy cho cùng chỉ những lăng Vua thời Nguyễn mới đủ tính chất vừa có Lăng, vừa có Tẩm, đồng thời đầy chất văn hoá và chất tư tưởng.

### NHÀ THỜ HỌ:

**N**gười Việt sống trong cộng đồng làng xã, chủ yếu là nông dân. Yếu tố cộng đồng tập thể và cá thể đan xen, nhưng kinh tế của cộng đồng là cơ bản, mang tư cách một đơn vị, một tế bào đối với quốc gia. Người ta khó có thể tìm được vai trò của cá nhân đối với các công trình kiến trúc tôn giáo, tín ngưỡng có niên đại từ thế kỷ 17 trở về trước. Chỉ bắt đầu từ thế kỷ 17, sau giai đoạn kinh tế thương mại dưới thời Mạc phát triển mạnh dẫn đến kinh tế tư nhân phát triển theo, thì từ đó vai trò cá nhân mới thấy xuất hiện dần trên kiến trúc. Các nhà nghiên cứu đã chỉ ra đó là Lăng quận Đàng (1629-Thanh Hoá) rồi sau đó là những tên người công đức đã rời những tấm bia để ghi lên cột Đình, Chùa v.v cũng có khi ghi cả lên bệ tượng (như bệ tượng Quan Âm chùa Bút Tháp). Đương nhiên không chỉ có một yếu tố đó để quyết định những hiện tượng như nêu

trên. Song, rõ ràng từ thời kỳ này nhà thờ họ đã ra đời, một chứng tích đã được chúng tôi công bố là nhà thờ họ ở Làng Đình Bảng, Bắc Ninh (xem tạp chí Di sản Văn hoá số 3/2003). Một số nhà nghiên cứu cho rằng Nhà thờ họ chỉ ra đời khi nền kinh tế tư nhân ra đời trong điều kiện tổ chức làng xã vẫn còn mạnh, đồng thời phần nào đã nảy sinh một số lĩnh vực kinh tế phi nông. Sự cấu kết của họ hàng như một đảm bảo để nền kinh tế mới này được phát triển bền vững và trong tư duy nông nghiệp nhà thờ họ đã trở thành một điểm sáng văn hoá, hội tụ những người cùng huyết thống. Nhà thờ họ thường được làm theo lối nhà Đại Khoa, tam cấp, đó là ngôi nhà gỗ lợp ngói, thường có 3-7 gian, 2 chái. Hai gian hồi bao giờ cũng đóng kín làm nơi ở của đàn bà con gái và để một số vật dụng của gia đình. Bàn thờ ở chính gian giữa, nơi ngự của tổ tiên thường được đặt giữa hai cột cái và hai cột quân hậu, cũng có khi ban thờ là mặt chiếc rương lớn đựng bát đĩa phục vụ giỗ tết. Trong quan niệm xưa, bàn thờ thường là tầng trời, nơi ngự của thần linh và tổ tiên. Vì thế về nguyên tắc phải có hai cây nến ở hai góc ngoài tượng cho mặt trời, mặt trăng, cho ngày và đêm. Bát hương tượng cho tinh tú, sau bát hương có một tam sơn (mang gạch nối tầng trên với tầng dưới), rồi một đỉnh tròn hoặc một bàn tròn thái cực. Hai góc trong của bàn thờ thường có 2 cành hoa giấy cũng để biểu tượng cho ngày và đêm. Đối với gia đình theo đạo Phật, trên bàn thờ,

bên trái, đặt một lọ độc bình để không, bên phải đặt mâm bồng để đựng ngũ quả. Sát phía trong trên bàn thờ, chính giữa, là hình tượng hoặc bài vị của tổ gốc, bên trái ông là bài vị của các kiếp đời nam giới đã qua, bên phải có thể là nữ giới...

Các gian bên thường phục vụ cho sinh hoạt của dòng họ như giường ngủ của ông chủ, giường của khách, bàn nước... Thông thường nền của nhà này không bao giờ lát gạch, mang ý thức mong dài dòng lớn họ... Từ trong nhà bước ra sân phải qua 3 bậc tam cấp, sân này có thể lát gạch cho sạch sẽ, ở đầu sân, chính tâm phía trước, nhiều khi có một bức bình phong cuốn thư, phía trong đặt một bệ nhỏ thấp để thờ thổ thần. Tác dụng của chi tiết này để chống gió độc thổi vào bàn thờ tổ tiên, giữ yên lành cho dòng họ ... Đường ngõ vào thường ở phía bên.

**KHÔNG GIAN DI TÍCH:**

**N**ói tới không gian di tích là phải chú ý đến địa thế, thuyết phong thủy, cây cỏ, và rất nhiều vấn đề khác...

Người Việt, về cơ bản, là nông dân, sống tại nông thôn, mang tư duy nông nghiệp, "chìm" trong chu trình thời gian khép kín theo mùa màng trong năm, mặt khác sự phân hóa xã hội chưa mạnh, thần linh chưa được đẩy lên cao mà còn luẩn quẩn với con người trong cuộc sống thường nhật, cho nên kiến trúc của người Việt vừa có ý thức dàn trải theo mặt bằng (phát sinh từ ý thức cần mở mang đất đai). Đồng thời

không có xu hướng vươn theo chiều cao, nhưng vẫn ấm cúng, uyển chuyển, mềm mại, lặp đi lặp lại, đầy chất trữ tình.

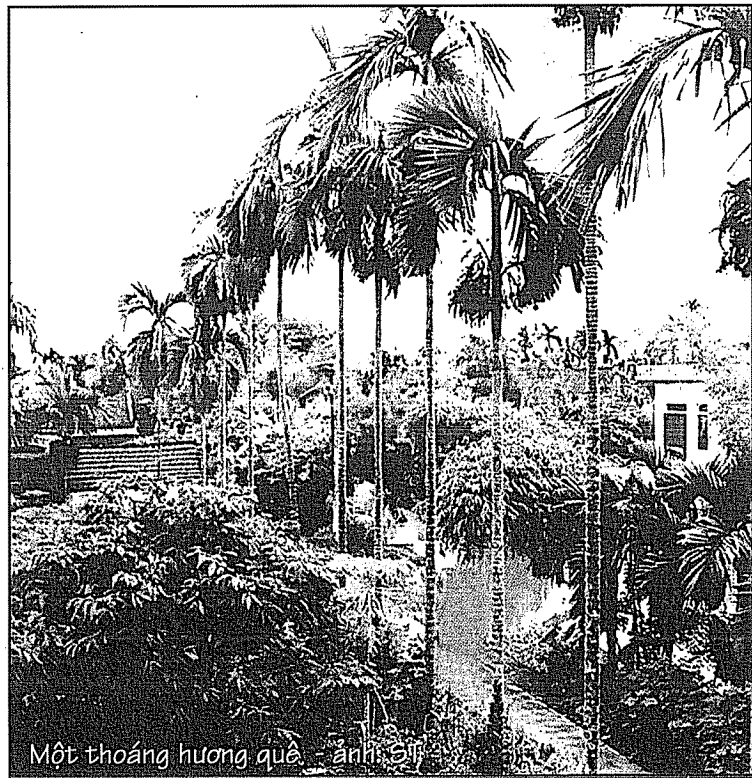
Trong "tư duy mệnh mông tràn vũ trụ" bắt nguồn từ "thời gian chiêm bao" (thời cổ đại), người Việt đã lấy hòa làm trọng, vì thế kiến trúc của người Việt không thể thiếu cây cỏ, như một ý thức muốn hòa mình vào thiên nhiên để tồn tại. Chúng tôi sẽ tóm tắt lần lượt những ý nghĩa này với phần mở đầu là hướng của di tích.

Thực ra người Việt ít dựng kiến trúc theo chính hướng, thường hay bị lệch đi chút ít, vì thế gọi là hướng Nam không mấy khi là chính Nam, có nghĩa là phương hướng chỉ có tính chất tương đối. Trong đó người xưa quan niệm rất rõ ràng:

**Hướng Đông:** Nơi mặt trời mọc, mà mặt trời là nguồn sinh

lực vô biên mang sức sống khởi nguyên và vĩnh cửu. Mặt nào đó, vì thế hướng đông là hướng của thánh thần. Nhiều di tích ở phương nam thường quay hướng Đông để đón sinh khí. Nhưng các kiến trúc ở miền này đảm bảo không để cho ánh sáng ban mai rọi vào bàn thờ. Còn kiến trúc ở đất Bắc thường được làm theo kiểu ngang, khởi đầu không có tường bao, vì thế để ánh sáng ban mai rọi vào bàn thờ là điều rất kiêng kỵ, khiến hồn thần tán mà không tụ. Bởi vậy người miền Bắc ít chú ý dựng di tích nhìn về hướng Đông (một ví dụ: Đền Ngọc Sơn có cầu Thê Húc mang ý nghĩa đón ánh sáng ban mai từ hướng Đông, nhưng ngôi Đền lại quay về hướng Nam)

**Hướng Bắc:** Là hướng giá rét, đồng thời mang tính hắc ám nên hầu như không có di tích cổ truyền nào quay về



Một thoáng hương quê - ảnh S.T

# TẬP HUẤN

## VỀ DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ

hướng này ngoại trừ những chùa vong hồn ở các nghĩa trang, bởi quan niệm xưa cho rằng âm ngược dương.

**Hướng Tây:** Là hướng Âm. Thần ngôi nhìn về hướng Tây là hợp với qui luật Âm Dương đối đãi, lưng (âm) hướng về (đông), tay trái (âm) đi về hướng Nam (dương), tay phải (dương) đặt hướng Bắc (âm).. Đó là điều kiện để thần yên vị, lúc nào cũng có mặt để bảo hộ cho con người.

**Hướng Nam:** Quan niệm của người xưa "lấy vợ hiền hòa làm nhà hướng Nam", đó là hướng mát mẻ khô ráo. Một quan niệm khác: "Thánh nhân nam diện nhi thích thiên hạ", đó là hướng của thần thánh và của đế vương, mang ý nghĩa nghe lời của chúng sinh mà ban phát ân huệ. Đây là hướng đề cao thần thánh. Mặt khác, hướng Nam cũng là phương Bát nhã, tức trí tuệ. Có trí tuệ mới diệt được ngu tối, mà ngu tối là mầm mống của tội ác. Như vậy đây là hướng của thiện tâm, của sinh khí linh thiêng – tượng bằng màu đỏ (Ngũ phương: Đông – tượng bằng màu xanh lá cây; Tây – màu trắng; Nam – màu đỏ; Bắc – màu đen; Trung phương – màu vàng).

Ở nước ta các di tích cổ truyền thường theo hướng Tây và Nam, nhiều khi lại quay hướng Tây Nam để đạt được 2 điều tốt đẹp của cả hai hướng. Khoảng từ thế kỷ 18 trở đi nền kinh tế nông nghiệp truyền thống bị phá vỡ dần, nền kinh tế thương mại mạnh mẽ hơn lên khiến nhiều di tích mới dựng đã thay đổi chủ nhân. Người ta chú ý tới dòng sông, con đường giao thương, nên hướng di tích nhiều khi mang tính thực dụng mới mà quay mặt ra dòng sông và con đường đó. Hướng của ban thờ tổ tiên cũng thường theo hướng chung của di tích như kể trên.

Hải Ninh

(Theo tư liệu của Trần Lâm)

**T**hực hiện kế hoạch nghiên cứu, khảo sát, xây dựng bản đồ di sản văn hóa phi vật thể trong toàn quốc, vừa qua, Cục Di sản văn hóa đã kết hợp với Sở Văn hóa Thông tin tỉnh Quảng Ninh và Phòng Văn thể huyện Yên Hưng tổ chức thí điểm lớp tập huấn về điều tra di sản văn hóa phi vật thể trên toàn huyện Yên Hưng.

Trước đó, thực hiện chủ trương đã được đặt ra, huyện Yên Hưng đã thành lập Ban chỉ đạo tổng kiểm kê văn hóa phi vật thể của huyện. Ban chỉ đạo có nhiệm vụ xây dựng chương trình, kế hoạch và tổ chức hướng dẫn các xã, thị trấn trong huyện tiến hành kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể ở địa phương theo nội dung hướng dẫn của Sở VH TT Quảng Ninh và kế hoạch triển khai thực hiện của UBND huyện.

Thành phần tham gia buổi tập huấn này là các đồng chí phụ trách văn hóa xã hội, Chủ tịch MTTQ, Trưởng ban VH TT và cán bộ chuyên trách của Ban VH TT các xã thị trấn. Lớp tập huấn đã được nghe ý kiến phát biểu của lãnh đạo Cục Di sản văn hóa, sở VH TT Quảng Ninh, UBND huyện Yên Hưng và các bài giảng của một số nhà nghiên cứu. Các chuyên viên của Cục Di sản văn hóa cũng đã hướng dẫn cho học viên về việc sử dụng bảng điều tra. Kết thúc lớp tập huấn, các cán bộ của Cục Di sản văn hóa, Sở VH TT Quảng Ninh, UBND huyện Yên Hưng đã đi thực tế tại xã Phong Cốc và Cẩm La. Tại hai xã, Đoàn đã được tiếp đón chu đáo và đã lắng nghe các ý kiến rất thiết thực từ địa phương.

Với mức độ thực hiện thí điểm, các đồng chí lãnh đạo Cục Di sản văn hóa, Sở VH TT Quảng Ninh, UBND huyện Yên Hưng đánh giá cao buổi tập huấn và cũng chỉ ra những việc cần làm trước khi nhân rộng mô hình này ra cả nước.

TD

